

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2021/HSST

Ngày 19/8/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Đại.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Triệu Văn Long.

2. Bà Chu Thị Thi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Triệu Xuân Triu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại hội Tr xét xử của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2021 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C; tên gọi khác: Không; Sinh ngày xx/xx/19xx; nơi sinh: Xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Thôn Đ, Xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; dân tộc: Kinh; Q tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm 19xx và Đặng Thị X, sinh năm 19xx; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ, lưu giam Công an huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

*** Người bị hại:**

Ông Trần Văn Nh, sinh năm: 19xx. Trú tại: Kh, xã Tr, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tổng Ngọc Tr, sinh năm 19xx. Trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Ông Vũ Xuân V, sinh năm: 19xx. Trú tại: Tổ x, phường Ni, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Ông Doãn Văn Đ, sinh năm: 19xx. Trú tại: Tiểu khu xx, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Bùi Văn Kh, sinh năm: 19xx. Trú tại: Tiểu khu xx, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

2. Anh Nông Văn Q, sinh năm: 19xx. Đang Thi hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

3. Bà Lý Mùi L, sinh năm: 19xx. Trú tại: Thôn N, xã Ng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2013, ông Trần Văn Nh, sinh năm 19xx, trú tại Kh, xã Tr, huyện N, tỉnh Bắc Kạn có nhận thi công khoan phá đá của công trình mở rộng đường tỉnh lộ 258B và dựng lán trại cho công nhân ở trọ, tập kết vật liệu, máy móc tại thôn N, xã Ng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Đầu năm 2014, Nguyễn Văn C, trú tại Thôn Đ, Xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình đến làm thuê cho ông Nh. Trong dịp nghỉ tết nguyên đán năm 2014, sau khi biết C không về quê nghỉ tết nên ông Nh và C có thỏa thuận miệng với nội dung, C có trách nhiệm trông coi, bảo vệ lán trại và tài sản cho Nh trong thời gian từ ngày 15/01/2014 đến 15/02/2014 (01 tháng), và C được trả công với số tiền là 5.000.000 đồng.

Khoảng 18 giờ ngày 17/02/2014 (Tức ngày 18 tháng 01 năm âm lịch 2014), thấy ông Nh và công nhân chưa quay lại làm việc, C đã tự ý lấy một cuộn dây điện lõi đồng, vỏ nhựa màu đen của ông Nh và thuê Nông Văn Q, sinh năm 19xx, trú tại thôn N, xã Ng dùng xe mô tô của Q chở đến nhà Bùi Văn Kh, sinh năm 19xx, tạm trú tại Tiểu Khu xx, (nay trú tại Tiểu Khu xx, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn để bán, do không có nhu cầu nên anh Kh gọi cho ông Doãn Văn Đ, sinh năm 19xx, trú tại tiểu khu xx, thị trấn C đến mua và C đã bán cho ông Đ được 2.800.000đ (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Khoảng 09 giờ ngày 20/02/2014, C tiếp tục lấy một máy phát điện ba pha 15KW của ông Nh và nhờ người dân không biết họ tên tại khu vực lán trại giúp C khênh lên xe khách mang đến bán cho ông Vũ Xuân V, sinh năm 19xx, trú tại tổ x, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn được 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), sau đó ông V đã bán lại cho ông Tống Ngọc Tr, sinh năm 19xx, trú tại thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn được 3.000.000 đồng. Sau khi bán tài sản C bỏ đi khỏi địa bàn huyện Pác Nặm. Sau khi phát hiện sự việc ông

Nh có gọi điện cho C yêu cầu trả lại tài sản nhưng C không trả nên ông Nh đã làm đơn trình báo.

Tiến hành điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm đã tạm giữ tang vật của vụ án, triệu tập để lấy lời khai của Nguyễn Văn C và Trần Văn Nh. Trong thời gian Cơ quan điều tra đang giải quyết vụ việc thì ông Nh đã trả tiền công trông coi tài sản cho C với số tiền 5.000.000 đồng, sau đó C bỏ trốn đến ngày 10/3/2021 thì bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại biên bản khám nghiệm hiện Tr ngày 16/4/2014 xác định: Hiện Tr là tại bãi đất trống có diện tích 7x10 mét sát mép đường nhựa 258B thuộc thôn N, xã Ng, huyện Pác Nặm.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 04/3/2014 của Hội đồng định giá tài sản huyện Pác Nặm kết luận: Một cuộn dây điện lõi đồng vỏ nhựa màu đen dài 120 mét có trị giá 4.320.000đ và một máy phát điện màu xanh ba pha 15KW đã qua sử dụng trị giá 7.500.000đ, tổng trị giá là 11.820.000đ (*Mười một triệu tám hai mươi nghìn đồng*).

Vật chứng của vụ án: Một cuộn dây điện lõi đồng vỏ nhựa màu đen dài 120 mét và một máy phát điện màu xanh ba pha 15KW đã qua sử dụng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm đã trả lại cho ông Trần Văn Nh.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông Trần Văn Nh và người có quyền lợi liên quan ông Doãn Văn Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Ngọc Tr yêu cầu ông Vũ Xuân V trả lại số tiền 3.000.000 đồng và bồi thường do tiền bị trượt giá 2.100.000 đồng. Ông Vũ Xuân V đồng ý trả lại cho Tr 3.000.000 đồng nhưng chưa trả và yêu cầu bị cáo bồi thường 2.500.000đ, bị cáo đồng ý nhưng chưa thực hiện việc bồi thường. Ngày 18 tháng 8 năm 2021 bị cáo đã tác động gia đình nộp một khoản tiền 2.700.000đ vào Chi cục Thị hành án dân sự huyện Pác Nặm nhằm bồi thường, khắc phục hậu quả cho ông Vũ Xuân V.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về kết quả khám nghiệm hiện Tr, kết quả định giá tài sản và việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Tại bản cáo trạng số 07/CT – VKSPN ngày 06/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm đã truy tố đối với Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Điều luật có nội dung:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm trong phần luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt đối với bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về vật chứng: Đã trả lại cho chủ tài sản nên không đề nghị xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi liên quan ông Doãn Văn Đ không có yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét.

Người có quyền lợi liên quan ông Vũ Xuân V yêu cầu bị cáo bồi thường 2.500.000đ là có căn cứ, đề nghị buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Ngọc Tr yêu cầu ông Vũ Xuân V trả lại số tiền 3.000.000 đồng và bồi thường do tiền bị trộm giá 2.100.000 đồng. Ông Vũ Xuân V đồng ý trả lại cho Tr 3.000.000 đồng. **Đây là quan hệ dân sự giữa ông Tr và Ông V nên do các bên tự thỏa thuận, nếu không tự thỏa thuận được thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự.**

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136/BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* Bị cáo thành khẩn, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến gì với quyết định truy tố và không có tranh luận gì với luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy mình đã vi phạm pháp luật và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để được hưởng mức án nhẹ Nh.

Trong vụ án này còn có anh Nông Văn Q là người được sử dụng chiếc xe mô tô của mình để chở bị cáo và cuộn dây điện do bị cáo trộm cắp được đi tiêu thụ, ông Doãn Văn Đ, ông Vũ Xuân V và ông Tống Ngọc Tr là người đã tiêu thụ tài sản do bị can trộm cắp mà có. Tuy nhiên ông Đ, ông V, ông Tr và anh Q không biết tài sản đó là do trộm cắp mà, do vậy không đề cập xem xét trách

nhiệm hình sự đối với các ông Doãn Văn Đ, Vũ Xuân V, ông Tống Ngọc Tr và anh Nông Văn Q.

Đối với Bùi Văn Kh là người giúp bị cáo tìm chỗ bán cuộn dây điện, tuy nhiên ông Kh không biết là tài sản trộm cắp mà có, do vậy không đề cập xem xét trách nhiệm đối với ông Bùi Văn Kh.

Đối với những người đã giúp bị cáo di chuyển tài sản trộm cắp lên xe khách, tuy nhiên bị cáo không nói cho biết là tài sản do trộm cắp mà có, do vậy không đề cập xử lý đối với những người này.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố, vai trò, tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn C, quá trình làm thuê cho ông Nh đã phát hiện tài sản bị sơ hở nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 11.820.000đ (Mười một triệu tám hai mươi nghìn đồng). Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội từ tháng 02/2014. theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trong khi bị cáo có đầy đủ năng lực về trách nhiệm hình sự, hậu quả của tội phạm thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc truy tố và xét xử bị cáo về tội "**Trộm cắp tài sản**" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ. Vì vậy cần xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân: Nguyễn Văn C sinh ra và lớn lên tại huyện L, tỉnh Hòa Bình, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 10/12 thì nghỉ học đi lao động tự do.

Ngày 17 và ngày 20/02/2014 lợi dụng sở hữu của chủ tài sản đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 19/11/2014 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm khởi tố bị can. Ngày 10/3/2021 bị bắt theo Lệnh truy nã của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.*

Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy bản cáo trạng số 07/CT – VKSPN ngày 06/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm đã truy tố đối với Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hình phạt, về án phí, về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, cần được xem xét chấp nhận.

[7] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm đã trả lại cho ông Trần Văn Nh là chủ tài sản hợp pháp 01 cuộn dây điện lõi đồng vỏ nhựa màu đen dài 120 mét và một máy phát điện ba pha 15KW màu xanh đã qua sử dụng. Xét việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Trần Văn Nh và người có quyền lợi liên quan ông Doãn Văn Đ không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình Sự năm 2015, Điều 584, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 cần phải buộc bị cáo bồi thường cho người có quyền lợi liên quan Ông Vũ Xuân V số tiền đã bỏ ra để mua máy phát điện 2.500.000đ. Ngày 18 tháng 8 năm 2021 bị cáo đã tác động gia đình nộp một khoản tiền 2.700.000đ vào Chi cục Thị hành án dân sự huyện Pác Nặm nhằm bồi thường, khắc phục hậu quả cho ông Vũ Xuân V, cần tiếp tục tạm giữ khoản tiền này để Đ bảo thi hành án cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Ngọc Tr yêu cầu ông Vũ Xuân V trả lại số tiền 3.000.000 đồng tiền mua máy phát điện và bồi thường số tiền 2.100.000 đồng do tiền bị trượt giá. Ông Vũ Xuân V đồng ý trả lại cho Tr 3.000.000 đồng, không đồng ý bồi thường số tiền 2.100.000đ. Xét thấy đây là

quan hệ dân sự giữa ông Tr và ông V nên do các bên tự thỏa thuận, nếu không tự thỏa thuận được thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự.

[10] Đối với anh Nông Văn Q, ông Doãn Văn Đ, ông Vũ Xuân V, ông Tống Ngọc Tr, ông Bùi Văn Kh và những người đã giúp bị cáo di chuyển tài sản trộm cắp lên xe khách, tuy nhiên bị cáo không nói cho biết là tài sản do trộm cắp mà có, do vậy không đề cập xử lý đối với những người này là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136/BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

** Tuyên bố : Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.*

** Điều luật áp dụng và hình phạt:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt đối với bị cáo 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 10/3/2021.

** Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.*

** Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình Sự năm 2015, Điều 584, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi liên quan Ông Vũ Xuân V số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).*

Việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) gia đình bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 01354 ngày 18/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

** Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136/BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.*

“Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại ông Trần Văn Nh, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông: Doãn Văn Đ, Vũ Xuân

V, Tống Ngọc Tr vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện Pác Nặm ;
- Cơ quan **CSĐT, THA** hình sự
Công an huyện Pác Nặm;
- Chi cục THADS ;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; bị hại, người có QLNV liên
quan
- Lưu hồ sơ; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tiến Đại

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thi - Triệu Văn Long

Phạm Tiến Đại

